

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/DS-ST
Ngày: 26/01/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Bà Nguyễn Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 596//2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Tấn S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đ (Giấy ủy quyền ngày 03/10/2017) (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1968

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Tấn S có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Ông Dương Tấn S và bà Phạm Thị Minh N là chị em họ với nhau, nên vào cuối tháng 11/2016 bà N tới nhà ông S hỏi vay tiền để làm ăn, do chỗ chị em quen biết nên ông S đã cho bà N vay số tiền là 30.000.000 đồng (việc vay nợ giữa đôi bên không lập giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói), thời hạn vay là 30 ngày; hết thời hạn thỏa thuận không thấy bà N trả tiền, khoảng tháng 02/2017 ông S đến nhà bà N để đòi lại tiền, bà N thừa nhận có vay của ông S và hứa sẽ trả sau, nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Vì vậy ông S khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị Minh N phải có trách nhiệm trả cho ông S số tiền đã vay là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là của riêng nguyên đơn không liên quan đến người khác.

Bị đơn bà Phạm Thị Minh N: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập bà N đến tòa để giải quyết việc kiện của ông S nhưng bà N không đến; Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà N theo quy định của pháp luật, nhưng bà N vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do, nên mở phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: 01 Usb, chứng minh nhân dân hộ khẩu của ông S, biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 và 26/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, phiếu xác minh số 343/PXM ngày 28/8/2018, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/01/2018.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Việc vay nợ giữa các đương sự không có giấy tờ gì để chứng minh.

Các nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được và không thống nhất được: Do bà N vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị Minh N cư trú tại địa chỉ số A đường B, khu phố C, phường L, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{2}. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 14/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2017 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

{3}. Về thủ tục tố tụng:

{3.1}. Nguyên đơn ông Dương Tấn S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc A tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{3.2}. Bị đơn bà Phạm Thị Minh N, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 343/TB-TLVA ngày 05/7/2017 và thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 343/TB-TLVA ngày 28/8/2017 cho bà N nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 bà N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bà N vào ngày 27/10/2017 và 17/11/2017, nhưng bà N vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ mà không hòa giải và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ cho bà N biết theo quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời triệu tập bà N tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 29/12/2017 nhưng bà N vẫn không đến tòa tham gia xét xử vụ án. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (26/01/2018), nhưng bà N vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng (bà N không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{4}. Về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, việc ông S cho bà N vay tiền (không có giấy tờ gì để chứng minh), tuy nhiên khi ông S qua nhà bà N hỏi lấy lại tiền thì bà N có thừa nhận là thiếu của ông S 30.000.000 đồng (ông S đã ghi âm được có phai Usb kèm theo) bà N hứa sẽ trả nhưng vẫn không thực hiện; trong quá trình giải quyết vụ án bà N vắng mặt không đến tòa coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu của câu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về bà N, kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 3, Khoản 2 Điều 8, Điều 116, Khoản 2 Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

{5}. Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000 đồng bà N phải chịu.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 3, Khoản 2 Điều 8, Điều 116, Khoản 2 Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Dương Tấn S

Buộc bà Phạm Thị Minh N phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Tấn S số tiền vay nợ là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án cho đến khi Thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Minh N phải chịu.

Hoàn trả lại cho ông Dương Tấn S số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0015741 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Quyền kháng cáo: Ông Dương Tấn S; bà Phạm Thị Minh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

3.2. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Công Tình

